

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 478/2021/HC-PT
Ngày 14 tháng 12 năm 2021
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý thuế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 149/2021/TLPT-HC ngày 02 tháng 3 năm 2021 “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý thuế*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1909/2020/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2041/2021/QĐPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 01/3/2019 – Các doanh nghiệp đã sáp nhập vào công ty: Công ty TNHH G; MSDN: 0100114191; (là công ty kế thừa quyền và nghĩa vụ Công ty TNHH G)

Địa chỉ: Khu Kinh tế Đ, đảo C, thị trấn C, huyện Ci, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện, theo Giấy ủy quyền ngày 19 tháng 9 năm 2019: Bà Võ Ngọc Thúy V (có mặt).

Địa chỉ: Tầng 12 Sài Gòn Tower, 29 L, phường B, Quận 1, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Quý H(có mặt)

Người bị kiện:

1. Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Ngọc T – Cục trưởng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 140 N, Phường 6, Quận 3, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Ngọc A (có mặt)

2. Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan cửa khẩu cảng H

Địa chỉ: Lô C17 Đường số 14, KCN H, xã H, huyện N, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan cửa khẩu cảng H theo Giấy ủy quyền số: 1256/HP-GUQ ngày 08/11/2021: Ông Bùi Tấn N - Phó Chi cục trưởng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan cửa khẩu cảng H: Ông Nguyễn Văn D – Công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng H (có mặt).

Người kháng cáo: người khởi kiện – Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, Biên bản đối thoại, người khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V (kế thừa quyền và nghĩa vụ Công ty TNHH G) do bà Võ Ngọc Thúy V đại diện hợp pháp, trình bày:

Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt G) là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực ô tô. Hoạt động chính GM V bao gồm nhập khẩu và phân phối (bán buôn và bán lẻ) các loại xe ô tô nhập khẩu nguyên chiếc (CBU) mới 100% bao gồm xe khách và xe tải. Ngoài ra, GM V cũng sản xuất xe ô tô tại nhà máy ở H và sản phẩm được bán trong nước.

Trong năm 2017 và năm 2018, Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng H ban hành Quyết định về việc ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu: số 2242/QĐ-HP ngày 12 tháng 7 năm 2017; số 2243/QĐ-HP ngày 12 tháng 7 năm 2017; số 2474/QĐ-HP ngày 02 tháng 8 năm 2017; số 2475/QĐ-HP ngày

02 tháng 8 năm 2017; số 2597/QĐ-HP ngày 14 tháng 8 năm 2017; số 3096/QĐ-HP ngày 26 tháng 9 năm 2017; số 3097/QĐ-HP ngày 26 tháng 9 năm 2017; số 3314/QĐ-HP ngày 13 tháng 10 năm 2017; số 3322/QĐ-HP ngày 16 tháng 10 năm 2017; số 3477/QĐ-HP ngày 31 tháng 10 năm 2017; số 3478/QĐ-HP ngày 31 tháng 10 năm 2017; số 3632/QĐ-HP ngày 14 tháng 11 năm 2017; số 3633/QĐ-HP ngày 14 tháng 11 năm 2017; số 3765/QĐ-HP ngày 27 tháng 11 năm 2017; số 3766/QĐ-HP ngày 27 tháng 11 năm 2017; số 3870/QĐ-HP ngày 07 tháng 12 năm 2017; số 4031/QĐ-HP ngày 21 tháng 12 năm 2017; số 4139/QĐ-HP ngày 27 tháng 12 năm 2017; số 03/QĐ-HP ngày 09 tháng 01 năm 2018; số 06/QĐ-HP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng H (sau đây gọi tắt là Quyết định ấn định thuế số 2242, 2243, 2474, 2475, 2597, 3096, 3097, 3314, 3322, 3477, 3478, 3632, 3633, 3765, 3766, 3870, 4031, 4139, 03, 06/QĐ-HQ) và Quyết định về việc giải quyết khiếu nại: số 3586/QĐ-HP ngày 09 tháng 11 năm 2017; số 21/QĐ-HP ngày 26 tháng 02 năm 2018; số 29/QĐ-HP ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng H (sau đây gọi tắt là Quyết định giải quyết khiếu nại số 3586, 21, 29/QĐ-HQ). Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định về việc giải quyết khiếu nại (lần hai): số 14/QĐ-GQKN ngày 12 tháng 02 năm 2018; số 034/QĐ-GQKN ngày 17 tháng 5 năm 2018; số 40/QĐ-GQKN ngày 21 tháng 6 năm 2018 (sau đây gọi tắt là Quyết định giải quyết khiếu nại số 14, 034, 40/QĐ-GQKN): Thiếu căn cứ pháp lý; gây ảnh hưởng quyền lợi G.

Nay người khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu; các Quyết định giải quyết khiếu nại trên và hoàn trả số tiền thuế 25.410.627.357đ mà G đã nộp. Lý do yêu cầu hủy:

Về trình tự thủ tục: Chi cục Hải quan vi phạm nguyên tắc kiểm tra trị giá hải quan tại Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 (sau đây gọi tắt là Thông tư 38). Theo đúng quy trình, Chi cục cần tuân thủ việc thông quan theo đúng mức giá G khai báo và chuyển hồ sơ để kiểm tra sau thông quan.

Về nội dung: Chi cục Hải quan đưa ra các lý do bác bỏ trị giá khai báo nhập khẩu là không có cơ sở vì: G không thể cung cấp được thông tin chi phí sản xuất hàng xuất khẩu. Mọi quan hệ đặc biệt giữa G và GM không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch. Quy trình thiết lập giá bán giữa GM và G là hoàn toàn bình thường, không có ảnh hưởng đến trị giá khai báo.

Tại Văn bản số 1130/HP-ĐTT ngày 15 tháng 7 năm 2019, Văn bản số 799/HP-ĐTT ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Văn bản số 1389/HP-ĐTT ngày 26 tháng 10 năm 2020 Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng H (sau

đây gọi tắt là Chi Cục trưởng Chi Cục Hải quan) do ông Đỗ Thế M đại diện hợp pháp có ý kiến trình bày như sau:

Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng H đã ban hành Quyết định ấn định thuế số 2242, 2243, 2474, 2475, 2597, 3096, 3097, 3314, 3322, 3477, 3478, 3632, 3633, 3765, 3766, 3870, 4031, 4139, 03, 06/QĐ-HQ đúng quy định pháp luật, dựa trên cơ sở:

- Về quy trình kiểm tra trị giá trong thông quan: Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H đã tiến hành kiểm tra trị giá khai báo và tổ chức tham vấn đối với các tờ khai có dấu hiệu nghi vấn theo Điều 25, Khoản 3, Điểm c.1.1 Thông tư 38.

- Về cơ sở bác bỏ trị giá khai báo: Căn cứ tài liệu, chứng từ do G cung cấp và so sánh với giá trên hệ thống dữ liệu hải quan.

G và GMOD có mối quan hệ đặt biệt đối chiếu theo Điều 7 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 (sau đây gọi tắt là Thông tư 39).

G không chứng minh được cách thức đàm phán thiết lập quan hệ mua bán để đạt được mức giá khai báo không được tiến hành như giao dịch mua bán với những người mua không có mối quan hệ đặc biệt khác theo Điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư 39.

G khai báo cơ sở xác định trị giá hàng hóa tại Việt Nam là do tổ xác định thành viên bao gồm nhân viên của tập đoàn GMOD và G. Tổ xác định giá đảm bảo nguyên tắc lợi nhuận 2% cho G vi phạm quy định tại các Điểm d, đ, e Khoản 1 Điều 7 Thông tư 39.

Mối quan hệ đặc biệt giữa G và GMOD ảnh hưởng đến trị giá giao dịch đối chiếu theo Khoản 3 Điều 6 Thông tư 39.

- Về cơ sở xác định ấn định trị giá tính thuế: Chi cục hải quan áp dụng phương pháp suy luận theo quy định tại Điều 12 Thông tư 39 để xác định lại trị giá và ấn định thuế.

Sau khi chấp hành nội dung thông báo, nộp đầy đủ số tiền thuế, G đã tiến hành khiếu nại các Quyết định ấn định thuế. Chi cục trưởng Chi cục hải quan đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3586, 21, 29 theo đúng trình tự giải quyết khiếu nại quy định tại Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng H giữ nguyên các Quyết định ấn định thuế và các quyết định giải quyết khiếu nại trên. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của G.

Tại Văn bản số 2101/HPHCM-TXNK ngày 19 tháng 7 năm 2019 Cục trưởng Cục hải quan Thành phố H (sau đây gọi tắt là Cục trưởng Cục Hải quan) có ý kiến trình bày như sau:

G khiếu nại đến Cục hải quan đề nghị xem xét các Quyết định ấn định thuế số 2242, 2243, 2474, 2475, 2597, 3096, 3097, 3314, 3322, 3477, 3478, 3632, 3633, 3765, 3766, 3870, 4031, 4139, 03, 06/QĐ-HQ và các Quyết định giải quyết khiếu nại số 3586, 21, 29/QĐ-HQ của Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng H.

Cục hải quan đã đối thoại giải quyết theo quy định. Tại cấp Cục, ngoài những thông tin G đã cung cấp khi giải quyết khiếu nại cấp Chi cục; G không có thêm thông tin căn cứ nào khác. Do đó, Cục hải quan ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số số 14, 034, 40/QĐ-GQKN: Là đúng quy định pháp luật.

Cục Hải quan Thành phố H giữ nguyên các quyết định giải quyết khiếu nại trên. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của G.

Tại Bản án số 1909/2020/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

- Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điểm b Khoản 1 Điều 143, Điều 144, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

- Căn cứ Điều 31, Điều 84 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 116, Điều 118 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 21 tháng 11 năm 2006;

- Căn cứ Điều 7, Điều 14, Điều 15 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2011;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 33, Điều 52 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V (là Công ty kế thừa quyền và nghĩa vụ Công ty TNHH G) về yêu hủy:

Quyết định về việc ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu: Số 2242/QĐ-HP ngày 12 tháng 7 năm 2017; số 2243/QĐ-HP ngày 12 tháng 7 năm 2017; số 2474/QĐ-HP ngày 02 tháng 8 năm 2017; số 2475/QĐ-HP ngày 02 tháng 8 năm 2017; số 2597/QĐ-HP ngày 14 tháng 8 năm 2017; số 3096/QĐ-HP ngày 26 tháng 9 năm 2017; số 3097/QĐ-HP ngày 26 tháng 9 năm 2017; số 3314/QĐ-HP ngày 13 tháng 10 năm 2017; số 3322/QĐ-HP ngày 16 tháng 10 năm 2017; số 3477/QĐ-HP ngày 31 tháng 10 năm 2017; số 3478/QĐ-HP ngày 31 tháng 10 năm 2017; số 3632/QĐ-HP ngày 14 tháng 11 năm 2017; số 3633/QĐ-HP ngày 14 tháng 11 năm 2017; số 3765/QĐ-HP ngày 27 tháng 11 năm 2017; số 3766/QĐ-HP ngày 27 tháng 11 năm 2017; số 3870/QĐ-HP ngày 07 tháng 12 năm 2017; số 4031/QĐ-HP ngày 21 tháng 12 năm 2017; số 4139/QĐ-HP ngày 27 tháng 12 năm 2017; số 03/QĐ-HP ngày 09 tháng 01 năm 2018; số 06/QĐ-HP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng H của Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng H.

Quyết định về việc giải quyết khiếu nại: Số 3586/QĐ-HP ngày 09 tháng 11 năm 2017; số 21/QĐ-HP ngày 26 tháng 02 năm 2018; số 29/QĐ-HP ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng H.

Quyết định về việc giải quyết khiếu nại (lần hai): Số 14/QĐ-GQKN ngày 12 tháng 02 năm 2018; số 034/QĐ-GQKN ngày 17 tháng 5 năm 2018; số 40/QĐ-GQKN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/11/2020, người khởi kiện - Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Ngọc Thúy V, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V là Công ty kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là G), vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của G, yêu cầu hủy các Quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu số 2242, 2243, 2474, 2475, 2597, 3096, 3097, 3314, 3322, 3477, 3478, 3632, 3633, 3765, 3766, 3870, 4031, 4139, 03, 06; Quyết định giải quyết khiếu nại số 3586, 21, 29 của Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng

H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 14, 034, 40 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H. Với các lý do: Các Quyết định ấn định thuế bị kiện được ban hành trái với trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc xác định căn cứ pháp luật, cụ thể là sai căn cứ pháp luật ban hành các Quyết định ấn định thuế bị kiện, thậm chí nhận định trái với nội dung căn cứ pháp luật viện dẫn; Các luận điểm, căn cứ mà Cơ quan Hải quan đưa ra để bác bỏ trị giá nhập khẩu khai báo của G đều không có cơ sở và trái với quy định pháp luật; Trị giá nhập khẩu nêu trong toàn bộ tờ khai hải quan nhập khẩu sản phẩm ô tô hiệu C của G đủ điều kiện để kê khai trị giá hải quan theo quy định của pháp luật; Giao dịch giữa G và GM hoàn toàn không có bất kỳ khác biệt nào so với các giao dịch thương mại quốc tế thông thường khác. Toàn bộ quá trình giao kết đều cho thấy sự độc lập và chủ động của các bên trong việc xác lập giao dịch cũng như thể hiện rõ yếu tố quan hệ đặc biệt không có bất kỳ một tác động nào đến quá trình hai bên tiến hành đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Trần Ngọc A, ông Nguyễn Văn D cũng như ông Bùi Tấn N đều đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định các Quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu số 2242, 2243, 2474, 2475, 2597, 3096, 3097, 3314, 3322, 3477, 3478, 3632, 3633, 3765, 3766, 3870, 4031, 4139, 03, 06; Quyết định giải quyết khiếu nại số 3586, 21, 29 của Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 14, 034, 40 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H được ban hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của G, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của G, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 255 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định.

- *Về đối tượng khởi kiện:* G khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu số 2242, 2243, 2474, 2475, 2597, 3096, 3097, 3314, 3322, 3477, 3478, 3632, 3633, 3765, 3766, 3870, 4031, 4139, 03, 06; Quyết định giải quyết khiếu nại số 3586, 21, 29 của Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 14, 034, 40 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H, là các quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Các quyết định về việc ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu của G được ban hành từ ngày 12/7/2017 đến ngày 15/01/2018 và các quyết định về việc giải quyết khiếu nại được ban hành từ ngày 09/11/2017 đến ngày 21/6/2018. Ngày 09/5/2019, G khởi kiện yêu cầu hủy quyết định nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015.

- *Về thời hạn kháng cáo:* Ngày 20/11/2020, G kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 1909/2020/HC-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của các quyết định về việc ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu của G.

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H đã tiến hành kiểm tra trị giá khai báo và tổ chức tham vấn đối với các tờ khai hàng hóa nhập khẩu có dấu hiệu nghi vấn của G.

Do G không chứng minh được các dấu hiệu nghi vấn nên Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H ban hành các Quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu số 2242, 2243, 2474, 2475, 2597, 3096, 3097, 3314, 3322, 3477, 3478, 3632, 3633, 3765, 3766, 3870, 4031, 4139, 03, 06/QĐ-HQ: là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo Điều 31, Điều 84 Luật Hải quan; Điểm b Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và

biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Điểm b Khoản 1, Điểm b Khoản 2 và Điểm c.1 Khoản 3 Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc ấn định thuế; Khoản 3 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

[2.1.2] Về nội dung của các quyết định ấn định thuế

- Về việc tồn tại mối quan hệ đặc biệt giữa G và GM

Công ty TNHH G được đăng ký kinh doanh theo Giấy phép số 100114191 ngày 23/10/2012, là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực ô tô với hoạt động chính là nhập khẩu và phân phối (bán buôn và bán lẻ) các loại xe ô tô nhập khẩu nguyên chiếc (CBU) mới 100% bao gồm xe khách và xe tải; ngoài ra còn sản xuất xe ô tô tại nhà máy ở Hà Nội và sản phẩm được bán trong nước.

Trong năm 2017 và năm 2018, G nhập khẩu mặt hàng xe ô tô C của Công ty General M (gọi tắt là GM), trong khi GM và G cùng thuộc tập đoàn của Công ty TNHH G.

Căn cứ Hợp đồng thỏa thuận đại lý phân phối, các Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, các Biên bản tham vấn, Biên bản đối thoại, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy Chứng nhận đầu tư có căn cứ xác định “*có mối quan hệ đặc biệt*” giữa GMOD và G theo khoản 1 Điều 7 Thông tư số 39/2015/TTBTC ngày 25/3/2015.

- Từ mối quan hệ đặc biệt giữa G và GMOD ảnh hưởng đến trị giá giao dịch đối chiếu theo Khoản 3 Điều 6 Thông tư 39.

Xét việc G và GMOD cùng tập đoàn của Công ty TNHH G; được độc quyền mua hàng phân phối tại thị trường V nên G không có mức giá tham khảo mà tự đề xuất mức giá với bên bán. Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H đã tiến hành kiểm tra trị giá khai báo và tổ chức tham vấn đối với các tờ khai hàng hóa nhập khẩu có dấu hiệu nghi vấn của G.

Quá trình đối thoại:

G không cung cấp được thông tin giá bán phù hợp với chi phí sản xuất hàng xuất khẩu và cho rằng không thể cung cấp được thông tin về chi phí sản xuất này là không có cơ sở để chấp nhận vì đây là trách nhiệm chứng minh của Công ty. Mặt khác, điểm 1b Điều 1 Phần 1 Hiệp định thực thi Điều VII của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại - GATT (1994) cũng đã quy định: “*Việc mua bán hoặc giá cả không phụ thuộc vào điều kiện hoặc suy xét nào đó khiến không thể xác định được giá trị của hàng hóa đang được định giá*”.

G cũng không chứng minh được cách thức đàm phán thiết lập quan hệ mua bán để đạt được mức giá khai báo không được tiến hành như giao dịch mua bán với những người mua không có mối quan hệ đặc biệt theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015.

Ngoài ra, Công ty G khai báo cơ sở để xác định giá trị hàng hóa tại V là do Tổ xác định thành viên bao gồm nhân viên của tập đoàn G và Công ty G nhằm

đảm bảo nguyên tắc lợi nhuận 2% cho Công ty. Việc thành lập Tổ thành viên xác định giá trên đã vi phạm nguyên tắc đối chiếu theo nội dung: “*Một người có quyền kiểm soát người khác theo quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 Điều 7 Thông tư 39 ngày 25/3/2015 là người có thể hạn chế được hay chỉ đạo một cách trực tiếp hoặc gián tiếp đối với người kia*”.

Căn cứ Khoản 3 Điều 6 và Khoản 2 Điều 7 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, cơ quan Hải quan xác định mối quan hệ đặc biệt giữa G và GMOD ảnh hưởng đến trị giá giao dịch là có căn cứ.

Do đó, Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H bác bỏ trị giá khai báo hàng hóa của G, tiến hành xác định lại trị giá và ấn định lại thuế đối với 20 Tờ khai nhập khẩu của G là phù hợp với giá trên hệ thống dữ liệu hải quan và phương pháp suy luận theo quy định tại Điều 12 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015.

[2.2] Xét tính hợp pháp của các quyết định giải quyết khiếu nại của Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H và Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H.

[2.2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Không đồng ý với các quyết định về việc ấn định lại thuế đối với hàng hóa nhập khẩu, G khiếu nại.

Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3586, 21, 29/QĐ-HQ và Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 14, 034, 40/QĐ-GQKN là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo Điều 116, Điều 118 Luật Quản lý thuế; Điều 52 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Điều 7, Điều 14, Điều 15 Luật Khiếu nại.

[2.2.2] Về nội dung của các quyết định giải quyết khiếu nại:

Như đã phân tích ở trên, do các quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu của G được ban hành đúng quy định của pháp luật nên các Quyết định giải quyết khiếu nại số 3586, 21, 29/QĐ-HQ của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H và các Quyết định về việc giải quyết khiếu nại (lần hai): Số 14, 034, 40/QĐ-GQKN của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc giữ nguyên quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu của G, là có cơ sở.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V (là Công ty kế thừa quyền và nghĩa vụ Công ty TNHH G) về hủy:

Quyết định về việc ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu: Số 2242/QĐ-HP ngày 12/7/2017; số 2243/QĐ-HP ngày 12/7/2017; số 2474/QĐ-HP ngày 02/8/2017; số 2475/QĐ-HP ngày 02/8/2017; số 2597/QĐ-HP ngày 14/8/2017; số 3096/QĐ-HP ngày 26/9/2017; số 3097/QĐ-HP ngày 26/9/2017; số 3314/QĐ-HP ngày 13/10/2017; số 3322/QĐ-HP ngày 16/10/2017; số 3477/QĐ-HP ngày 31/10/2017; số 3478/QĐ-HP ngày 31/10/2017; số 3632/QĐ-HP ngày 14/11/2017; số 3633/QĐ-HP ngày 14/11/2017; số 3765/QĐ-HP ngày 27/11/2017; số 3766/QĐ-HP ngày 27/11/2017; số 3870/QĐ-HP ngày 07/12/2017; số 4031/QĐ-HP ngày 21/12/2017; số 4139/QĐ-HP ngày 27/12/2017; số 03/QĐ-HP ngày 09/01/2018; số 06/QĐ-HP ngày 15/01/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H.

Quyết định về việc giải quyết khiếu nại: Số 3586/QĐ-HP ngày 09/11/2017; số 21/QĐ-HP ngày 26/02/2018; số 29/QĐ-HP ngày 03/4/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng H.

Quyết định về việc giải quyết khiếu nại (lần hai): Số 14/QĐ-GQKN ngày 12/02/2018; số 034/QĐ-GQKN ngày 17/5/2018; số 40/QĐ-GQKN ngày 21/6/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H;

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0093132 ngày 01/12/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh